THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025
Áp dụng từ ngày 11/11/2024

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

		15DTA1 – Phòng B1	15DTA2 – Phòng B2	16DTA1 – Phòng B1	16DTA2 – Phòng B2
2	S	Biên dịch **T. Châu – 4t**			
	C		Tiếng Anh báo chí **C. Út – 3t** **Học GĐ6**	Viết C1.2 **C. An – 3t**	Nghe nói C1.2 **C. Ý – 4t**
3	S	Tiếng Anh báo chí **C. Út – 3t**	Biên dịch **T. Châu – 4t**		Viết C1.2 **C. Huyền – 3t** **Học Phòng B7**
	C	**Sinh hoạt chung cùng Trợ giảng Jessica Tran Phòng B1**	**Sinh hoạt chung cùng Trợ giảng Jessica Tran Phòng B1**	Đọc hiểu C1.2 **C. Oanh – 3t** **Học Phòng B2**	
4	S	Ngữ nghĩa học **C. Loan – 4t**			Dẫn luận ngôn ngữ Anh **T. Châu – 3t** **Học GĐ6**
	C	Tiếng Anh thương mại **C. Thảo – 3t** **Học GĐ 6**		Nghe nói C1.2 **C. Út – 4t**	
5	S	Cú pháp học **T. Bảo – 3t**	Cú pháp học **T. Út – 3t** **Học Phòng A8** **Khoa Sư phạm**	Dẫn luận ngôn ngữ Anh **T. Châu – 3t** **Học Phòng B8)**	Đọc hiểu C1.2 **T. Trung – 3t** **Học GĐ6**
	C		Tiếng Anh thương mại **C. Thảo – 3t** **Học phòng B1**		
6	S		Ngữ nghĩa học		

			C. Loan – 4t		
	C			Dẫn luận đất nước học Anh **T. Nghĩa – 3t** **Học GĐ7**	Dẫn luận đất nước học Anh **C. Sang – 3t** **Học B2**
7	**S**				
	C				
CN	**S**				
	C				

Ghi chú:

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025
Áp dụng từ ngày 11/11/2024

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

		17DNNA1 Phòng B3	17DNNA2 – Phòng B4	18DNNA1 – Phòng B3	18DNNA2 – Phòng B4
2	S	Thống kê xã hội học **T. Linh – 3t** **Học phòng GĐ7**		Giáo dục thể chất **GDTC – 4t**	Tin học căn bản **Thầy Viêm – 4t**
	C	Tiếng Pháp căn bản 2 **T. Tòng – 4t**	Tiếng Việt thực hành **C. Nương – 4t**	Tin học căn bản **Thầy Toàn – 4t** **Học Phòng B8**	Giáo dục thể chất **GDTC – 4t** **(Tạm cắt lịch)**
3	S	Tiếng Việt thực hành **C. Nương – 3t** **Học phòng GĐ6** **(Chuyển học chiều thứ 7)**	Thống kê xã hội học **T. Linh – 3t** **Phòng A7 – Khoa Sư phạm**	Triết học Mác-Lênin **LLCT – 4t** **T. Khang**	
	C	Chủ nghĩa xã hội khoa học **C. Kiều Trang - 3t** **Học GĐ6- Ghép 17DNNA2)**	Chủ nghĩa xã hội khoa học **C. Kiều Trang - 3t** **Học GĐ6- Ghép 17DNNA1**		
4	S		Pháp luật đại cương **C. Diễm – 4t** **Học Phòng B3**		
	C	Pháp luật đại cương **C. Diễm – 4t**	Viết B2.2 **T. Út – 3t**	Tin học căn bản **CNTT – 4t** **Học Phòng GĐ7**	Giáo dục thể chất **GDTC – 4t** **(Tạm cắt lịch)**
5	S				
	C	Đọc hiểu B2.2 **T. Trung – 3t**	Đọc hiểu B2.2 **C. Huyền – 3t**		
6	S	Viết B2.2	Tiếng Pháp căn bản 2		

		T. Út – 3t **Học GĐ6**	**T. Thoại – 4t** **Học A5 – Khoa Sư phạm**		
	C	Nghe-Nói B2.2 **C. Út – 4t**			
7	**S**			Giáo dục thể chất **GDTC – 4t**	Tin học căn bản **CNTT – 4t**
	C	Tiếng Việt thực hành **C. Nương – 4t** **(Chuyển học chiều thứ 7)**			Triết học Mác-Lênin **LLCT – 4t** **T. Khang**

Ghi chú: - Khoá 18DNNA chia biên chế 2 lớp: 18DNNA1 và 18DNNA2

- **- Với các Học phần không thuộc chuyên ngành sẽ học theo biên chế 2 lớp;**
- **- Với các Học phần chuyên ngành sẽ học theo 3 nhóm chuyên môn:**

18DNNA – Nhóm 1, 18DNNA – Nhóm 2, 18DNNA – Nhóm 3.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025
Áp dụng từ ngày 11/11/2024

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ - PHÂN TÁCH NHÓM CHUYÊN NGÀNH KHOÁ 18DNNA

		18DNNA – NHÓM 1	18DNNA – NHÓM 2	18DNNA – NHÓM 3
2	S	**(GDTC xem lịch chung 18DNNA1)** **Phòng B3**	**(GDTC xem lịch chung -18DNNA1)** **(Tin học CB xem lịch chung-18DNNA2)**	**(Tin học CB xem lịch chung 18DNNA2)**
	C	**(Tin học CB xem lịch chung 18DNNA1)**	**(Tin học CB xem lịch chung -- 18DNNA1)** **(GDTC xem lịch chung 18DNNA2)**	**(GDTC xem lịch chung 18DNNA2)**
3	S	**(LLCT xem lịch chung 18DNNA1)**	**(LLCT xem lịch chung -18DNNA1)**	
	C	Viết B1 **C. Loan – 3t** Phòng B3	**(LLCT xem lịch chung -18DNNA2)**	**(LLCT xem lịch chung -18DNNA2)**
4	S	Ngữ pháp cơ bản **T. Trung – 3t** **Học GĐ7**	Ngữ pháp cơ bản **C. Oanh – 3t** **Phòng B4**	Ngữ âm thực hành cơ bản **C. Ý – 4t** **Phòng B2**
	C	**(Tin học CB xem lịch chung 18DNNA1)**	**(Tin học CB xem lịch chung – 18DNNA1)** **(GDTC xem lịch chung -18DNNA2)**	**(GDTC xem lịch chung 18DNNA2)**
5	S	Đọc hiểu B1 **C. An – 3t** Phòng B3	Nghe-Nói B1 **C. Loan – 4t** **Phòng B4**	Nghe-Nói B1 **C. Huyền – 4t** **Phòng B7**
	C	Nghe-Nói B1 **C. Tú – 4t** **Học Phòng A1 - Khoa Sư phạm**	Ngữ âm thực hành cơ bản **C. Ý – 4t** **Học Phòng B8**	Viết B1 **C. Sang – 3t** **Phòng A2- Khoa Sư phạm**
6	S	Ngữ âm thực hành cơ bản	Viết B1	Đọc hiểu B1

		C. Tú – 4t Phòng B3	**C. Sang – 3t** **Phòng B4**	C. Thảo – 3t **Phòng B1**
	C		Đọc hiểu B1 C. Thảo – 3t **Học Phòng B8**	Ngữ pháp cơ bản **T. Trung – 3t** **Phòng B1**
7	**S**	**GDTC xem lịch chung 18DNNA1 – Học GDTC Thầy Quang**	**(GDTC xem lịch chung 18DNNA1) (Tin học CB xem lịch chung 18DNNA2)**	**(Tin học CB xem lịch chung 18DNNA2)**
	C			

<u>Ghi chú</u>: - Khoá 18DNNA chia biên chế 2 lớp: 18DNNA1 và 18DNNA2

- **- Với các Học phần không thuộc chuyên ngành sẽ học theo biên chế 2 lớp;**
- **- Với các Học phần chuyên ngành sẽ học theo 3 nhóm chuyên môn:**
  18DNNA – Nhóm 1, 18DNNA – Nhóm 2, 18DNNA – Nhóm 3.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 11/11/2024

II. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN VIỆT NAM HỌC

		15DNV – Phòng B6	16DNV – Phòng B6	17DTVVHVN – Phòng B7	18DTVVHVN1 Phòng B7	18DTVVHVN2 Phòng B8
2	S	Văn học VN hiện đại 2 (1975 - nay) **C. Vân – 3t**	Báo chí truyền thông đại cương **C. Thu Trang – 3t** **Học GĐ6**	Tiếng Anh căn bản 2 **T. Bảo – 4t** **Học Phòng B2**	Lịch sử Việt Nam đại cương **T. Hiếu – 3t**	Ngôn ngữ học đại cương **C. Đ Liên – 3t**
	C		Văn hoá thế giới **T. Đua – 4t**	Danh nhân đất Việt **C. Trân – 3t**	Tin học căn bản **Thầy Quốc Bảo – 4t** **Học GĐ7**	
3	S	Các tôn giáo trên thế giới và VN **C. ThuTrang – 4t**	Văn hoá thế giới **T. Đua – 4t** **Học Phòng B4**	Mĩ thuật và kiến trúc Việt Nam **T. Đua – 3t** **Học B8**	Tâm lý học đại cương **T. Công – 3t**	Lịch sử Việt Nam đại cương **T. Hiếu – 3t** **Học GĐ7**
	C			Quản trị văn phòng và Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ **C. D Phương – 4t**	Giáo dục thể chất **GDTC – 4t**	
4	S	Phong cách học tiếng Việt **T. Ngọc – 3t**			Triết học Mác - Lênin **T. Phương – 4t**	Cơ sở văn hóa Việt Nam **C. D Phương – 3t**
	C	Văn hóa các dân tộc Việt Nam **C. D Phương – 3t** **Học A7** **– Khoa Sư phạm**	Thực hành văn bản tiếng Việt **C. Nương – 3t**	Văn học dân gian Việt Nam **C. L Liên – 3t**		Triết học Mác - Lênin **T. Phương – 4t**
5	S	Nghiệp vụ tổ chức sự kiện và lễ hội **C. Trân – 3t**		Từ vựng tiếng Việt **T. Hoàng – 3t** **Học Phòng B2**		Tin học căn bản **Thầy Quốc Bảo – 4t** **Học GĐ7**

	C	Ngữ pháp chức năng **C. Đỗ Liên – 3t**	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam **C. Kiều – 4t (Ghép 16DSPHH)** **Học GĐ7**	Chủ nghĩa xã hội khoa học **C. Kiều Trang – 3t**	Cơ sở văn hóa Việt Nam (Ghép 18DDLLH) **C. D Phương – 3t** **Học Phòng GĐ6**	Giáo dục thể chất **GDTC – 4t**
6	**S**	Văn hoá giao tiếp - ứng xử **C. Trân – 3t**	Ngữ dụng học **T. Ngọc – 3t** **Học A7 – Khoa Sư phạm**		Thống kê xã hội học **T. Linh – 3t**	Tâm lý học đại cương **T. Công – 3t**
	C		Văn học Trung đại Việt Nam **C. Nương – 3t**	Nghệ thuật học đại cương **C. D Phương -3t**	Giáo dục thể chất **GDTC – 4t**	
7	**S**				Ngôn ngữ học đại cương **C. Đ Liên – 3t**	Thống kê xã hội học **T. Linh – 3t**
	C					Giáo dục thể chất **GDTC – 4t**

Ghi chú: - *Trợ giảng Tiếng Anh Jessica Trần học tiếng Việt mỗi tuần 2 tiết.*

- *Thời gian linh hoạt theo lịch Trợ giảng và Giảng viên – TS. Trương Thu Trang. Chiều thứ 5 hàng tuần.*

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 11/11/2024

III. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

		17DBVTV+ 17DCNTY+ 17DBVMTTS	17DNT1	17DNT2	17DNTCNC	18DBVTV +18 DCNTY +18DKHMT	18DNT
2	**S**				Tiếng Anh CB 3 **T. Trung – 4t**		Tiếng Anh căn bản 1 **C. Huyền – 4t**
	C						
3	**S**						
	C						
4	**S**			Tiếng Anh CB 3 **C. Út – 4t**			
	C						
5	**S**	Kỹ năng mềm **C, Trang 4t**				Tiếng Anh căn bản 1 **T. Nghĩa – 4t**	
	C						
6	**S**	Tiếng Anh CB 3 **C. Ý – 4t**	Tiếng Anh CB 3 **C. An – 3t**				
	C						
7	**S**						
	C						

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025
Áp dụng từ ngày 11/11/2024

IV. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

		16DKT1	16DKT2	16DTCNH	17DKT1	17DKT2
2	**S**	Anh văn chuyên ngành **C. Sang – 4t**			Tiếng Anh căn bản 3 **T. Út – 4t**	
	C					
3	**S**		Anh văn chuyên ngành **C. Thảo – 4t**			
	C					
4	**S**			Anh văn chuyên ngành **T. Bảo – 4t**		Tiếng Anh căn bản 3 **C. Thảo – 4t**
	C					
5	**S**					
	C					
6	**S**					
	C					
7	**S**					
	C					

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025
Áp dụng từ ngày 11/11/2024

IV. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

		17DQT1	17DQT2	17DTCNH	18DQT	18DTCNH	18DKT1	18DKT2
2	S	Tiếng Anh CB 3 **T. Bảo – 4t**						
	C					**Soạn thảo VB** **C. Phương 4t**	**Soạn thảo VB** **C. Liên 4t**	
3	S			Tiếng Anh CB 3 **C. Oanh – 4t**				
	C							**Soạn thảo VB** **C. Liên 4t**
4	S				Kỹ năng mềm **C. Trang – 4t**			Tiếng Anh CB 1 **C. Tú – 4t**
	C							
5	S				Tiếng Anh CB 1 **C. Oanh – 4t**		Tiếng Anh CB 1 (Ghép 18DDLLH) **C. Sang – 4t**	
	C							
6	S		Tiếng Anh CB 3 **T. Bảo – 4t**			Tiếng Anh CB 1 **C. Oanh – 4t**		
	C							
7	S							
	C							

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025
Áp dụng từ ngày 11/11/2024

VI. CÁC LỚP THUỘC KHOA KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

		17DCNPM	17DCNTT1	17DCNTT2	18DCNTT1	18DCNTT2	18DCNPM
2	**S**			Anh văn CB 3 **T. Nghĩa – 4t**			
	C						
3	**S**		Tiếng Anh CB 3 **C. Loan – 4t**		Tiếng Anh CB 1 **T. Nghĩa – 4t**	Tiếng Anh CB 1 **C. Ý – 4t**	
	C						
4	**S**						
	C						
5	**S**						
	C						
6	**S**	Tiếng Anh CB 3 **T. Trung – 4t**					Tiếng Anh CB 1 **T. Nghĩa – 4t**
	C						
7	**S**						
	C						

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2024 – 2025
Áp dụng từ ngày 11/11/2024

VI. CÁC LỚP THUỘC KHOA SƯ PHẠM

		16DSPHH – Phòng A10	17DGDTH1 – Phòng A1	17DGDTH2 – Phòng A2	17DGDTH3 – Phòng A3	18DGDTH3 – Phòng A6
2	**S**					
	C					
3	**S**		Tiếng Anh căn bản 2 **C. An – 4t**			
	C					
4	**S**			Tiếng Anh căn bản 2 **C. An – 4t**	Chủ nghĩa xã hội khoa học **C. Kiều Trang – 4t**	
	C		Chủ nghĩa xã hội khoa học **C. Kiều Trang – 4t**			
5	**S**			Chủ nghĩa xã hội khoa học **C. Kiều Trang – 4t**		
	C	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam **C. Kiều – 4t**				
6	**S**					
	C					
7	**S**					Tiếng Việt thực hành **C. Nương – 3t**
	C					

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
I	**Lãnh đạo Khoa**			
1	Trương Thu Trang	0939.818269	tttrang@blu.edu.vn	Phó Trưởng khoa Phụ trách
II	**Văn phòng Khoa**			
2	Đỗ Chí Tâm	0845.505005	dctam@blu.edu.vn	
III	**Bộ môn Lí luận chính trị**			
3	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn	**Phụ trách**
4	Sơn Thanh Thoảng	0945.971.185	stthoang@blu.edu.vn	
5	Trương Thị Kiều	0944.878527	ttkieu@blu.edu.vn	
6	Trần Tam Phương	0913806429	ttphuong@blu.edu.vn	
IV	**Bộ môn Ngoại ngữ**			
7	Nguyễn Ái Hoàng Châu	0918.480.131	nahchau@blu.edu.vn	**Trưởng Bộ môn**
8	Phạm Thanh Loan	0982.299.295	ptloan@blu.edu.vn	**Phó Trưởng Bộ môn**
9	Nguyễn Trúc An	0944.212.403	ntan@blu.edu.vn	
10	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn	
11	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn	
12	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn	
13	Võ Thị Ngọc Huyền	0945.762.545	vtnhuyen@blu.edu.vn	
14	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn	
15	Ngô Ngọc Thảo	0943.288.579	nnthao@blu.edu.vn	
16	Liên Trọng Nghĩa	0835.575.799	ltnghia@blu.edu.vn	
17	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn	
18	Nguyễn Thanh Tòng	0917.548.248	nttong@blu.edu.vn	
19	Lê Minh Thoại	0939.239.765	lmthoai@blu.edu.vn	

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
20	Sầm Ngọc Khả Tú	0793.659.644	snktu@blu.edu.vn	
21	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn	
22	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn	
V	**Bộ môn Việt Nam học**			
23	Lê Kiều Nương	0974.277.402	lknuong@blu.edu.vn	**Phó Trưởng Bộ môn Phụ trách**
24	Phan Thảo Ly	0949.111.388	ptly@blu.edu.vn	
25	Dương Minh Ngọc	0919.434.845	dmngoc@blu.edu.vn	
26	Lưu Thị Liên	0914.967.349	ltlien@blu.edu.vn	
27	Lữ Thị Thuỳ Vân	0939.096.318	lttvan@blu.edu.vn	
28	Võ Thị Diễm Phương	0973.647.503	vtdphuong@blu.edu.vn	
29	Phạm Thị Kiều Trân	0845.763.688	ptktran@blu.edu.vn	
30	Phan Việt Đua	0834.174477	pvdua@blu.edu.vn	